

Số: 22/NQ-HĐND

Thái Bình, ngày 26 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Phê duyệt danh mục dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất mà có diện tích đất trồng lúa theo quy hoạch trên địa bàn tỉnh Thái Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH
KHÓA XVII KỲ HỌP ĐỀ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC PHÁT SINH ĐÓT XUẤT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Thực hiện Chỉ thị số 31/CT-TU ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo khắc phục sai phạm trong công tác quản lý đất đai và các quy định của pháp luật về đất đai;

Xét Tờ trình số 58/TTr-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất mà có diện tích đất trồng lúa theo quy hoạch trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Báo cáo thẩm tra số 12/BC-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt danh mục dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất mà có diện tích đất trồng lúa theo quy hoạch đối với 12 dự án, tổng diện tích đất trồng lúa 17,54 ha (có danh mục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật, trong đó chỉ đạo:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương liên quan:

a) Chịu trách nhiệm về các thông tin, tính pháp lý, sự chính xác của số liệu, hợp lệ của hồ sơ, các nội dung liên quan đến dự án theo đúng quy định của pháp luật, sự thống nhất giữa hồ sơ và thực địa, đảm bảo các dự án đủ điều kiện trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của Luật Đất đai năm 2024 và quy định của pháp luật khác liên quan.

b) Rà soát đảm bảo: Chính xác về tên dự án, địa điểm, diện tích; đúng quy hoạch; đúng mục đích sử dụng đất; quy trình và thẩm quyền theo quy định của pháp luật trước khi tổ chức thực hiện.

c) Đảm bảo việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2025 cấp huyện trên cơ sở danh mục đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua theo đúng quy định của Luật Đất đai năm 2024 và quy định của pháp luật khác liên quan.

d) Thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sau khi dự án đã đảm bảo các điều kiện theo quy định của Luật Đất đai năm 2024, Luật Trồng trọt năm 2018, Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và quy định của pháp luật khác liên quan; quản lý, sử dụng các diện tích đất đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật, tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí.

2. Các sở, ban, ngành và địa phương tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh; tăng cường kiểm tra, kiểm soát, kịp thời phát hiện và kiên quyết xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với tổ chức, cá nhân triển khai xây dựng công trình, dự án khi chưa có đủ thủ tục theo quy định; thực hiện nghiêm Chỉ thị số 31/CT-TU ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo khắc phục sai phạm trong công tác quản lý đất đai và các quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình Khóa XVII Kỳ họp đề giải quyết công việc phát sinh đột xuất thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./ 

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các bộ: Nông nghiệp và Môi trường; Tài chính; Xây dựng; Công Thương;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực XI;
- Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Phòng giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước khu vực V;
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thành phố;
- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;
- Thường trực Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;
- Báo Thái Bình; Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử Thái Bình; Trang thông tin điện tử Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Lưu: VT, CTHĐ. 

CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiến Thành



DANH MỤC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA THEO QUY HOẠCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI BÌNH

(Kèm theo Nghị quyết số: 22 /NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Địa điểm thực hiện			Diện tích đất sử dụng (m ²)			
			Xứ đồng, thôn, xóm, tổ dân phố	Xã, phường, thị trấn	Huyện, thành phố	Tổng diện tích	Trong đó lấy từ loại đất		
							Đất trồng lúa	Đất ở	Đất khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7=(8)+(9)+(10))	(8)	(9)	(10)
I	Đất ở tại nông thôn	ONT				99.830	73.330	400	26.100
1	Khu nhà ở xã hội, nhà ở thương mại phục vụ công nhân, người lao động, chuyên gia khu công nghiệp Liên Hà Thái - Phân khu 2	ONT		Thụy Liên	Thái Thụy	95.000	68.500	400	26.100
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng đất dịch vụ tại xã Hòa Bình, huyện Vũ Thư	ONT		Hòa Bình	Vũ Thư	4.830	4.830		
II	Đất công trình giao thông	DGT				39.156	20.798	77	18.281
3	Quy hoạch đường số 4 đô thị Diêm Điền mở rộng (đường vào nhà máy rác xã Thụy Trình)	DGT		Thị trấn Diêm Điền, Thụy Trình	Thái Thụy	24.300	19.300		5.000
4	Đường cứu hộ, cứu nạn, chống ngập lụt ổn định dân cư và cứng hóa mặt đê bồi xã Hồng Lý, huyện Vũ Thư	DGT		Hồng Lý	Vũ Thư	14.856	1.498	77	13.281
III	Đất thương mại, dịch vụ	TMD				27.905	24.294		3.611
5	Quy hoạch đất thương mại dịch vụ	TMD	Đông Vinh	Vũ Vinh	Vũ Thư	4.940	4.940		
6	Quy hoạch xây dựng đất thương mại dịch vụ	TMD		Nguyên Xá	Vũ Thư	10.000	10.000		

2/

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Địa điểm thực hiện			Diện tích đất sử dụng (m2)			
			Xứ đồng, thôn, xóm, tổ dân phố	Xã, phường, thị trấn	Huyện, thành phố	Tổng diện tích	Trong đó lấy từ loại đất		
							Đất trồng lúa	Đất ở	Đất khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)
7	Dự án đầu tư xây dựng khu trưng bày giới thiệu sản phẩm kinh doanh tổng hợp Ngọc Hương Phát	TMD		Tân Hòa	Vũ Thư	2.720	2.720		
8	Dự án đầu tư xây dựng cửa hàng kinh doanh vật liệu xây dựng và dịch vụ lưu giữ hàng hóa	TMD	Bái Long	Quỳnh Giao	Quỳnh Phụ	7.600	4.221		3.379
9	Dự án đầu tư xây dựng cửa hàng kinh doanh thương mại tổng hợp	TMD	Lộng Khê 5	An Khê	Quỳnh Phụ	2.645	2.413		232
IV	Đất trồng cây lâu năm	CLN				30.000	30.000		
10	Quy hoạch vùng chuyển đổi đất lúa của hộ gia đình cá nhân thành cây lâu năm	CLN		Duy Nhất, Hồng Phong, Tân Lập	Vũ Thư	30.000	30.000		
V	Đất công trình cấp thoát nước	DCT				6.000	6.000		
11	Quy hoạch nhà máy nước Vũ Bình	DCT	Nguyệt Lâm 1	Hồng Vũ	Kiến Xương	6.000	6.000		
VI	Đất nông nghiệp khác	NKH				22.008	20.938		1.070
12	Dự án trồng cây ăn quả chất lượng cao và nuôi trồng thủy sản	NKH	Thượng	An Thanh	Quỳnh Phụ	22.008	20.938		1.070
	Tổng					224.899	175.360	477	49.062